



xùn chī
训斥

verb · reprimand, scold

Example Sentences

lǎo shī xùn chī le chí dào de xué shēng

老师训斥了迟到的学生。

The teacher reprimanded the late student.

Tā yīn wèi gōng zuò shī wù bèi lǎo bǎn yán lì xùn chī

他因为工作失误被老板严厉训斥。

He was severely scolded by the boss for a work mistake.

Trace each character, then write the word on your own.

训	训	训	训	训	训	训	训												
斥	斥	斥	斥	斥	斥	斥	斥												